

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong nội bộ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ ban hành về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý tài chính Nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 19/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 12411/TTr-SKHĐT ngày 12 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong nội bộ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

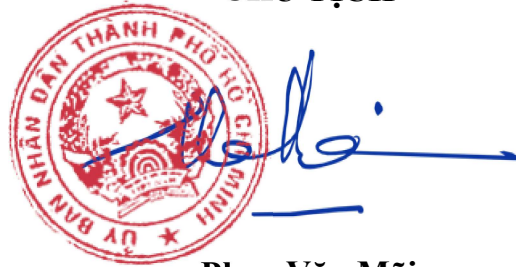
Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố; các Hội, các Quĩ, các Tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

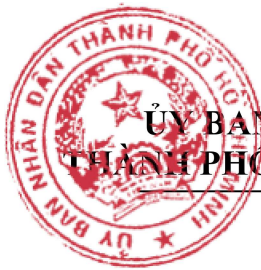
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP, Bộ KHĐT, Bộ Tài chính;
- Ủy ban Công tác về CTCPCNN;
- TTTU, TT HĐNDTP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐNDTP;
- Ủy ban MTTQVNTP;
- Các tổ chức CTXH, đoàn thể Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Trung tâm công báo Thành phố Hồ Chí Minh;
- VPUB: CVP, PCVP/DA;
- Phòng DA;
- Lưu: VT, (DA-CK).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Văn Mãi



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển
chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong nội bộ
Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Kèm theo Quyết định số 4542 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định công tác quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là viện trợ) thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (gọi tắt là “Nghị định số 80/2020/NĐ-CP”) trong nội bộ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là “Thành phố”) thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Các khoản viện trợ dành cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan chủ quản có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ tiếp nhận; nhằm mục đích phát triển kinh tế xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

b) Các khoản viện trợ dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam mà Ủy ban nhân dân Thành phố không phải là cơ quan chủ quản nhưng có địa bàn triển khai (dự kiến triển khai), tiếp nhận viện trợ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là viện trợ) thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ trong Nghị định này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan chủ quản theo quy định tại điểm c, điểm đ khoản 3 Điều 3; điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Giải thích từ ngữ liên quan Quy chế: theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Cơ quan chủ quản trong Quy chế này là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các quận huyện và thành phố Thủ Đức, các tổ chức và các đơn vị thực hiện.

2. Không phê duyệt các khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Chủ khoản viện trợ có trách nhiệm thực hiện việc vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan của Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp phạm vi triển khai khoản viện trợ tại nhiều tỉnh, thành phố và vượt quá thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố, cần phải lấy ý kiến của các Bộ ngành trung ương, địa phương có liên quan theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP thì thời gian thẩm định theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP tính từ thời điểm Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận đầy đủ ý kiến góp ý bằng văn bản của các Bộ ngành trung ương, địa phương có liên quan.

5. Các nội dung khác tuân thủ theo nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ được quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 5. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ

Các hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt các khoản viện trợ mà bên tiếp nhận viện trợ là các cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan chủ quản theo quy định tại điểm c, điểm đ khoản 3 Điều 3; điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bên tiếp nhận viện trợ (trừ các tổ chức do Bộ Nội vụ ra quyết định thành lập).

Điều 7. Hồ sơ khoản viện trợ

Hồ sơ khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 8. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án

1. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thẩm định, tiếp nhận hồ sơ đề xuất phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Sau khi nhận hồ sơ từ Chủ khoản viện trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá tính hợp lệ của thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

b) Sau khi nhận đủ thành phần hồ sơ và hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản lấy ý kiến thẩm định (kèm theo hồ sơ khoản viện trợ) Sở ngành có liên quan để thẩm định và có ý kiến đối với hồ sơ xin phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để gửi lấy ý kiến Bộ ngành trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố có liên quan theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

c) Sở ngành có liên quan (được lấy ý kiến thẩm định) có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ và có văn bản ý kiến thẩm định gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trong thời hạn quy định.

d) Thẩm định khoản viện trợ: Sau khi nhận được đầy đủ ý kiến thẩm định từ Sở ngành liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến thẩm định và lập báo cáo thẩm định báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định. Tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của khoản viện trợ, Sở Kế

hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định bằng hình thức tổng hợp ý kiến hoặc tổ chức hội nghị thẩm định.

e) Đối với khoản viện trợ khắc phục hậu quả, khi phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án; người đứng đầu cơ quan chủ quản không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các quan liên quan.

2. Nội dung và thời gian thẩm định: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Quyết định phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 9. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án trong quá trình thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định 80/2020/NĐ-CP với trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy chế này (tương ứng các Điều 8, Điều 10 và Điều 11 Nghị định 80/2020/NĐ-CP).

Chương III

QUẢN LÝ THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VIỆN TRỢ

Điều 10. Quản lý thực hiện viện trợ

1. Thực hiện theo quy định tại các Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Đối với các khoản viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng thì quản lý thực hiện viện trợ theo khoản 1 Điều này và theo quy định pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 11. Quản lý tài chính nguồn viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 23/2022/TT-BTC).

2. Mở tài khoản cho chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

4. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu, ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền: Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

5. Quản lý vốn đối ứng:

a) Các chương trình, dự án được bố trí vốn đối ứng: Đối với chương trình, dự án viện trợ mà Bên cung cấp viện trợ có yêu cầu bố trí vốn đối ứng, Chủ khoản viện trợ đề xuất cụ thể nguồn vốn đối ứng trong hồ sơ chương trình, dự án. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cụ thể về bố trí vốn đối ứng khi phê duyệt chương trình, dự án hoặc có văn bản đồng ý bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án khác do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính.

b) Nguồn vốn đối ứng: ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

7. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ, thuế, kiểm toán các khoản viện trợ: thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 12. Báo cáo, đánh giá thực hiện khoản viện trợ

1. Chủ khoản viện trợ, Ban quản lý dự án thường xuyên và định kỳ cập nhật toàn bộ thông tin liên quan tình hình thực hiện khoản viện trợ; phân tích, đánh giá quá trình thực hiện một cách toàn diện nhằm kịp thời đưa những điều chỉnh cần thiết, đảm bảo khoản viện trợ được thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ, đạt chất lượng, có hiệu quả và phù hợp với quy định pháp luật.

2. Báo cáo quản lý, thực hiện viện trợ tiếp nhận:

a) Chủ khoản viện trợ có trách nhiệm thực hiện báo cáo tình hình thực hiện khoản viện trợ định kỳ 06 tháng và hàng năm theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP chậm nhất ngày 01 tháng 7 (đối với báo cáo định kỳ 6 tháng) và chậm nhất ngày 05 tháng 01 năm tiếp theo (đối với báo cáo hàng năm) đến Sở ngành quản lý chuyên môn để tổng hợp; Sở ngành quản lý chuyên môn tổng hợp gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất ngày 03 tháng 7 (đối với báo cáo định kỳ 6 tháng) và chậm nhất ngày 07 tháng 01 năm tiếp theo (đối với báo cáo hàng năm).

Mẫu biểu báo cáo thực hiện theo Thông tư số 19/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở ngành quản lý chuyên môn, cơ quan có liên quan tổng hợp và xây dựng báo cáo định kỳ 06 tháng, hàng năm về kết quả phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố để gửi báo cáo đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn Ủy ban nhân dân Thành phố (Cơ quan chủ quản)

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản theo quy định tại Điều 13, Điều 33 và các quy định khác tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Giúp việc cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác phê duyệt khoản viện trợ; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

2. Tham mưu, giúp việc Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo 06 tháng, năm về kết quả vận động, công tác tiếp nhận viện trợ, các chế độ báo cáo kết thúc khoản viện trợ, tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định.

3. Phối hợp các cơ quan liên quan trong công tác vận động và tranh thủ trong công tác tiếp nhận viện trợ.

4. Cung cấp, chia sẻ thông tin về các tổ chức viện trợ, các chương trình, dự án, khoản viện trợ với các cơ quan, đơn vị có liên quan. Thông tin về nhu cầu, lĩnh vực, địa bàn vận động viện trợ với các tổ chức viện trợ. Phối hợp các cơ quan, đơn vị, có liên quan trong công tác vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ.

5. Cung cấp các thông tin về tình hình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để làm cơ sở cho việc tiến hành vận động và thẩm định viện trợ theo quy định hiện hành.

6. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố Hồ Chí Minh tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị Bộ Ngoại giao về chủ trương vận động cứu trợ khẩn cấp.

7. Phối hợp giải quyết các vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ theo thẩm quyền.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Phối hợp Sở ngành liên quan hướng dẫn Chủ khoản viện trợ thủ tục lập hồ sơ trình phê duyệt tiếp nhận các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo quy định Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Tiếp nhận, thẩm định các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; tổng hợp ý kiến và tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan Trung ương và địa phương khác theo quy định (khi có yêu cầu).

4. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan cân đối bố trí vốn đầu tư công trung hạn và/hoặc hàng năm bằng nguồn ngân sách Thành phố đối với các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng đảm bảo đúng theo quy định Luật Đầu tư công.

5. Phối hợp các cơ quan liên quan tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình tiếp nhận viện trợ theo quy định tại Thông tư số 19/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn về quản lý tài chính nhà nước đối với các khoản viện trợ:

- Đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo đúng quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và công tác quản lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

- Đối với khoản viện trợ do bên cung cấp viện trợ trực tiếp quản lý, thực hiện: Trường hợp bên cung cấp viện trợ bàn giao quyền sở hữu đối với các tài sản, trang thiết bị của chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án cho Chủ khoản viện trợ, Sở Tài chính hướng dẫn các Chủ khoản viện trợ thực hiện việc tiếp nhận, xác lập sở hữu tài sản theo quy định hiện hành.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan tham gia thẩm định và có ý kiến đối với các khoản viện trợ tiếp nhận trên địa bàn Thành phố

Hồ Chí Minh. Thẩm định và cho ý kiến về khả năng tham gia vốn đối ứng (nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách Thành phố, chi thường xuyên của đơn vị tiếp nhận viện trợ), các nội dung về cơ chế tài chính đối với khoản viện trợ, tính hợp lý và hợp pháp trong cơ cấu ngân sách của khoản viện trợ tiếp nhận.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo liên quan lĩnh vực tài chính, các nguồn vốn, tài sản tiếp nhận viện trợ theo quy định; thẩm định báo cáo quyết toán thu chi nguồn vốn tiếp nhận viện trợ theo quy định.

4. Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý tài chính và tuân thủ quy định tài chính đối với các tổ chức, đơn vị tiếp nhận viện trợ (do Ủy ban nhân dân Thành phố là Cơ quan chủ quản) và các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng là vốn đầu tư công đảm bảo theo đúng quy định Luật Đầu tư công.

5. Bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ nước ngoài trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

6. Hướng dẫn các Chủ khoản viện trợ thực hiện các thủ tục quyết toán kết thúc chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh

1. Mở tài khoản viện trợ cho các cơ quan đơn vị tiếp nhận viện trợ.

2. Thực hiện theo dõi các khoản tiền viện trợ được chuyển vào tài khoản của chủ chương trình, dự án và thực hiện việc kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán, ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước đối với nguồn viện trợ theo quy định.

3. Thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định pháp luật và quy định tại Thông tư số 23/2022/TT-BTC. Đối với viện trợ theo cơ chế tài chính trong nước, việc thực hiện báo cáo áp dụng như quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

4. Hướng dẫn các đơn vị, Chủ khoản viện trợ thực hiện các nhiệm vụ khác theo lĩnh vực chuyên môn quản lý.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Công an Thành phố

1. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan tham gia thẩm định và có ý kiến các nội dung chương trình, dự án và khoản viện trợ phi dự án tiếp nhận trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện công tác đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài trên địa bàn Thành phố.

3. Hướng dẫn và hỗ trợ các sở ban ngành, các Hội, đoàn thể Thành phố và các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

4. Phối hợp các cơ quan liên quan giám sát việc tiếp nhận, sử dụng viện trợ đảm bảo công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Ngoại vụ

1. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham gia thẩm định, góp ý các nội dung chương trình, dự án và phi dự án, các khoản viện trợ tiếp nhận trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phối hợp các cơ quan có liên quan giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ và thực hiện đúng hoạt động đã đăng ký của các tổ chức phi chính phủ ngoài nước với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, tham mưu trình cơ quan có thẩm quyền thành lập Ban Quản lý dự án đối với chương trình, dự án phải thành lập riêng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Quản lý, giám sát việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách tôn giáo của nhà nước trong việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài có liên quan đến tôn giáo.

3. Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý nhà nước.

4. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan thẩm định và có ý kiến góp ý các nội dung chương trình, dự án và khoản viện trợ phi dự án tiếp nhận trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (khi có yêu cầu).

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế

1. Phối hợp các cơ quan liên quan trong công tác vận động viện trợ và đề xuất kiến nghị liên quan đối với các khoản viện trợ thuộc lĩnh vực chuyên môn quản lý.

2. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan thẩm định và có ý kiến góp ý các nội dung chương trình, dự án và khoản viện trợ phi dự án tiếp nhận liên quan lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực chuyên môn quản lý theo quy định.

3. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan hướng dẫn Bên tiếp nhận trong công tác vận động, tiếp nhận và quản lý các khoản viện trợ liên quan lĩnh vực y tế thuộc chuyên môn quản lý theo đúng quy định.

4. Chủ động kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài thuộc lĩnh vực chuyên môn quản lý.

5. Lập, tổng hợp và gửi báo cáo tổng hợp định kỳ về tình hình vận động, thu hút viện trợ và kết quả thực hiện các khoản viện trợ thuộc trách nhiệm, quyền hạn và lĩnh vực chuyên môn quản lý theo quy định về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Phối hợp các cơ quan liên quan trong công tác vận động viện trợ và đề xuất, kiến nghị đối với các khoản viện trợ thuộc lĩnh vực chuyên môn quản lý.

2. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan thẩm định và có ý kiến góp ý đối với các nội dung chương trình, dự án và khoản viện trợ phi dự án thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và các khoản viện trợ khác thuộc chuyên môn quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan hướng dẫn Bên tiếp nhận trong công tác vận động và tiếp nhận viện trợ thuộc lĩnh vực chuyên môn quản lý đảm bảo đúng quy định.

4. Chủ động và thường xuyên kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài thuộc lĩnh vực chuyên môn quản lý.

5. Lập, tổng hợp và gửi báo cáo tổng hợp định kỳ về tình hình vận động, thu hút viện trợ và kết quả thực hiện các khoản viện trợ thuộc trách nhiệm, quyền hạn và lĩnh vực chuyên môn quản lý theo quy định đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan thuế

1. Chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện công tác quản lý thuế liên quan đến công tác tiếp nhận viện trợ không hoàn lại, không thuộc

hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hướng dẫn và hỗ trợ Bên tiếp nhận viện trợ các nội dung liên quan công tác quản lý thuế đối với các khoản viện trợ nước ngoài để thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Chủ động kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân trong công tác tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài.

Điều 24. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các quận huyện, thành phố Thủ Đức và cơ quan, tổ chức liên quan khác trên địa bàn Thành phố

1. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan thẩm định và có ý kiến góp ý đối với các nội dung chương trình, dự án và khoản viện trợ phi dự án tiếp nhận liên quan lĩnh vực thuộc chuyên môn và phạm vi quản lý theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, giám sát khoản viện trợ thuộc lĩnh vực chuyên môn quản lý và các khoản viện trợ triển khai trên địa bàn.

2. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc trong công tác tiếp nhận, sử dụng và quản lý viện trợ theo quy định Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức: bố trí địa điểm để thực hiện các chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án (nếu có) đảm bảo đúng quy định.

4. Có trách nhiệm giải quyết các kiến nghị của chủ khoản viện trợ, đơn vị sử dụng viện trợ và các cơ quan có liên quan thuộc thẩm quyền.

5. Chủ động kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài thuộc lĩnh vực chuyên môn và phạm vi quản lý.

6. Lập, tổng hợp và gửi báo cáo tổng hợp định kỳ về tình hình vận động, thu hút viện trợ và kết quả thực hiện các khoản viện trợ thuộc trách nhiệm, quyền hạn và lĩnh vực chuyên môn, phạm vi quản lý theo quy định đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

Chương V**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 25. Tổ chức thực hiện**

Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan để triển khai thực hiện các hoạt động tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo quy định.

Việc áp dụng chuyên tiếp đối với các khoản viện trợ được phê duyệt trước ngày Nghị định số 80/2020/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 17 tháng 9 năm 2020) thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 24 Thông tư 23/2022/TT-BTC (đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước).

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc liên quan Quy chế này, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.